TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HS-ST
Ngày 15 - 01 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Phạm Văn Tỵ

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Ngô Thị Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Đặng Thị Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2018/TLST- HS ngày 03 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST - HS ngày 02 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn Đ – sinh năm 1982, tại Hải Phòng. ĐKTT: Thôn K, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố số X, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Q; có vợ Mai Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 04/2010/HSST ngày 22 tháng 01 năm 2010 của Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 07 năm tù về tội "Cướp tài sản", được đặc xá ngày 30 tháng 8 năm 2013; bị cáo bị bắt ngày 05 tháng 9 năm 2018, tạm giữ ngày 06 tháng 9 năm 2018, được thay thế biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 14 tháng 9 năm 2018; có mặt tại phiên toà.

2. Mai Thị Thu H – sinh năm 1989, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ Y, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn B và bà Đặng Thị H1; có chồng Ngô Mạnh H3 và có 01 con; tiền án, tiền

sự: Không; bị cáo bị cáo bị bắt ngày 05 tháng 9 năm 2018, tạm giữ ngày 06 tháng 9 năm 2018, được thay thế biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 14 tháng 9 năm 2018; có mặt tại phiên toà.

3. Phạm Quang H4 – sinh năm 1989, tại Hải Phòng. ĐKTT: Số Z, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Tổ dân phố số X, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị H5; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 53/2018/HSST ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; bị cáo bị bắt ngày 05 tháng 9 năm 2018, tạm giữ ngày 06 tháng 9 năm 2018, tạm giam ngày 14 tháng 9 năm 2018; có mặt tại phiên toà.

4. Phạm Văn Đ1 – sinh năm 1962, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số Y, đường Z, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P và bà Đỗ Thị N (đều đã chết); có vợ Trần Thị H6 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 57/HSST ngày 12 tháng 3 năm 1993 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa", đã chấp hành xong; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 14 tháng 9 năm 2018; có mặt tại phiên toà.

5. Nguyễn Thị N – sinh năm 1986, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố số X, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị K; có chồng Trần Xuân T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt ngày 05 tháng 9 năm 2018, tạm giữ ngày 06 tháng 9 năm 2018, được thay thế biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 14 tháng 9 năm 2018; có mặt tại phiên toà.

6. Trần Thị Hồng N1 – sinh năm 1978, tại Quảng Ninh. Nơi cư trú: Tổ dân phố số Y, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quyết T (đã chết) và bà Trần Thị G; có chồng Nguyễn Xuân P1 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt ngày 05 tháng 9 năm 2018, tạm giữ ngày 06 tháng 9 năm 2018, được thay thế biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 14 tháng 9 năm 2018; có mặt tại phiên toà.

7. Đào Văn T – sinh năm 1989, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn X, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn P3 và bà Lê Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt ngày 05 tháng 9 năm 2018, tạm giữ ngày 06 tháng 9 năm 2018, được thay thế biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 14 tháng 9 năm 2018; có mặt tại phiên toà.

8. Nguyễn Thị O – sinh năm 1962, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số A đường B, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc Đ2 (đã chết) và bà Bùi Thị T; có chồng Nguyễn Văn T và có 04 con; tiền sự: Không; tiền án: Tại bản án số 207/HSST ngày 06 tháng 11 năm 1998 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", thi hành xong phần hình phạt bổ sung ngày 24 tháng 9 năm 2018; bị cáo bị bắt ngày 05 tháng 9 năm 2018, tạm giữ ngày 06 tháng 9 năm 2018, được thay thế biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 14 tháng 9 năm 2018; có mặt tại phiên toà.

- *Những người làm chứng:* Các anh Nguyễn Quốc A, Nguyễn Văn T, Cao Thùy D, Mai Xuân C; đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 05 tháng 9 năm 2018, Công an thành phố Hải Phòng phối hợp cùng Công an xã A phát hiện và bắt quả tang tại đường bờ đê C, xã A, huyện A có Trần Văn Đ, Phạm Quang H4, Mai Thị Thu H, Trần Thị Hồng N1, Nguyễn Thị N, Phạm Văn Đ1, Đào Văn T và Nguyễn Thị O cùng một số đối tượng khác đang có hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền. Vật chứng thu giữ gồm có: Thu tại chiếu bạc số tiền 18.700.000đ (mười tám triệu bảy trăm nghìn đồng), 01 chén sứ màu trắng xanh bị vỡ, 01 đĩa sứ nhỏ màu trắng, 04 nửa vỏ hạt dưa, 10 ghế nhựa các loại. Thu giữ của Trần Văn Đ 01 điện thoại di động Iphone X màu đen; 01 đồng hồ LongGines bằng kim loại, dây da màu nâu; 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn Đ; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe moto mang tên Lê Văn Đức; 01 ví da màu xanh, bên trong có 6.000.000đ. Thu giữ của Đào Văn T 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen; 01 ví da màu đen, bên trong có 2.750.000đ và 02 thẻ ra vào cổng của Công ty LG. Thu giữ của Mai Thị Thu H 01 điện thoại di động Iphone 8Plus màu vàng; 01 ví da màu xanh, bên trong có 14.300.000đ. Thu giữ của Nguyễn Thị N 01 điện thoại di động Oppo màu trắng và 21.000.000đ. Thu giữ của Nguyễn Thị O 01 điện thoại di động Iphone 7 màu trắng hồng và 15.694.000đ. Thu giữ của Trần Thị Hồng N1 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng; 01 căn cước công dân và 01 thẻ ATM đều mang tên Trần Thị Hồng N1; 01 túi da màu đen, bên trong có 15.600.000đ. Thu giữ của Phạm Quang H4 01 điện thoại Iphone màu trắng hồng và 5.050.000đ. Thu giữ của Phạm Văn Đ1 01 điện thoại di động Nokia 1190 màu đen; 01 ví da màu nâu, bên trong có 230.000đ và 01 Giấy phép lái xe, 01 thẻ căn cước công dân đều mang tên Phạm Văn Đ1.

Ngày 13 tháng 9 năm 2018, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hải Phòng đã có quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội "Đánh bạc".

Ngày 02 tháng 10 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng có quyết định chuyển vụ án cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện A để điều tra theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa các bị cáo khai:

Bị cáo Trần Văn Đ khai: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 05 tháng 9 năm 2018, bị cáo đi xe taxi đến khu vực bờ đê thôn C để đánh bạc. Đến địa điểm trên, Đ gặp Phạm Quang H4, Mai Thị Thu H, Trần Thị Hồng N1, Nguyễn Thị N, Phạm Văn Đ1 và một số người không quen biết. Ngồi chơi, nói chuyện tại quán nước chè, đến khoảng 15 giờ cùng ngày, do thấy ở cây cột điện gần quán nước có 01 chén sứ màu trắng xanh, 01 đĩa sứ màu trắng nên đã cùng thống nhất đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền. Đ đi ra lấy 01 chén sứ, 01 đĩa sứ và 04 nửa vỏ hạt dưa ở bên trong (không biết của ai để sẵn ở đó) và lấy 01 ghế nhựa tại quán nước ra ngồi trên đường, sát tường rào. Đ1, H, H4, N1, N và một số đối tượng khác cũng lấy ghế ra chỗ Đ ngồi để đánh bạc. Tất cả thống nhất đặt tiền mỗi ván thấp nhất là 50.000đ, cao nhất không giới hạn. Đ cầm cái xóc đĩa để N, N1, Đ1, H và một số đối tượng khác chọn cửa "chẵn, lẻ" đặt tiền đánh bạc. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày Đào Văn T, Nguyễn Thị O đi qua thấy có đánh bạc nên cũng lần lượt vào tham gia. Đ cầm cái đánh bạc với mọi người được khoảng 10 ván, bị thua 2.800.000đ nên đã chuyển cho người nam giới không rõ tên tuổi cầm cái. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Phòng Cảnh sát hình sự (PC-02) - Công an thành phố Hải Phòng kết hợp Công an xã A phát hiện bắt quả tang Đ, H4, N1, N, Đ1, H, T và O về hành vi đánh bạc, thu giữ vật chứng như đã nêu trên. Khi đi đánh bạc, Đ mang theo 9.000.000đ nhưng chỉ sử dụng 3.000.000đ để đánh bạc. Số tiền 6.000.000đ để trong ví, bị Công an thu giữ, Đ không sử dụng để đánh bạc.

Các bị cáo Mai Thị Thu H, Phạm Quang H4, Phạm Văn Đ1, Nguyễn Thị N, Trần Thị Hồng N1, Đào Văn T và Nguyễn Thị O khai nhận đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, được thu bằng tiền vào ngày 05 tháng 9 năm 2018 tại khu vực bờ đê C, xã A như bị cáo Trần Văn Đ đã khai. Bị cáo Mai Thị Thu H mang theo 7.000.000đ để sử dụng vào việc đánh bạc; khi bị phát hiện Cơ quan Công an đã thu giữ của bị cáo 14.300.000đ, trong đó có 7.000.000đ bị cáo mang theo và 7.300.000đ bị cáo thắng bạc. Bị cáo Phạm Quang H4 mang theo 6.000.000đ nhưng chỉ sử dụng 1.000.000đ vào việc đánh bạc; khi bị bắt giữ bị cáo bị thua 950.000đ, Công an đã thu giữ của bị cáo 5.050.000đ, trong đó có 5.000.000đ là tiền cá nhân của bị cáo và 50.000đ bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc. Bị cáo Phạm Văn Đ1 mang theo 530.000đ để đánh bạc; khi bị bắt, bị cáo đang thua 100.000đ và bị cáo đang đặt cửa dưới chiếu 200.000đ, Công an thu giữ trong người bị cáo 230.000đ. Bị cáo Nguyễn Thị N mang theo 21.400.000đ nhưng chỉ sử dụng 300.000đ để đánh bạc; khi bị bắt bị cáo đang đặt cửa dưới chiếu 300.000đ, Công an thu giữ trên người bị cáo 21.000.000đ còn 100.000đ bị thất lạc trong quá trình bị bắt giữ. Bị cáo Trần Thị Hồng N1 mang theo 15.850.000đ nhưng chỉ sử dụng 250.000đ để đánh bạc; khi bị bắt giữ bị cáo bị thua 250.000đ, Công an thu giữ trên người bị cáo 15.600.000đ, số tiền này bị

cáo không sử dụng để đánh bạc. Bị cáo Đào Văn T đã tham gia đánh bạc từ khoảng 15 giờ 30 phút đến khi bị bắt; bị cáo có mang theo 3.100.000đ nhưng chỉ sử dụng 400.000đ để đánh bạc và bị thua; số tiền 2.700.000đ mang trong người, bị cáo không sử dụng để đánh bạc. Bị cáo Nguyễn Thị O đã tham gia đánh bạc từ khoảng 15 giờ 45 phút đến khi bị bắt; bị cáo có mang theo 15.844.000đ trong người nhưng chỉ sử dụng 150.000đ để đánh bạc và bị thua; khi bị bắt, bị cáo đang đặt cửa dưới chiếu bạc 100.000đ, Công an thu giữ trên người bị cáo 15.694.000đ, số tiền này bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc.

Công bố lời khai những người làm chứng tại cơ quan điều tra có nội dung như lời khai của các bị cáo tại phiên tòa.

Tại Cáo trạng số 79/CT-VKS ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố các bị cáo Trần Văn Đ, Mai Thị Thu H, Phạm Quang H4, Phạm Văn Đ1, Nguyễn Thị N, Trần Thị Hồng N1, Đào Văn T và Nguyễn Thị O về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A thay đổi một phần quyết định truy tố, xác định bị cáo Nguyễn Thị O chưa được xóa án tích; phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, phân hóa vai trò của các bị cáo, nêu các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị O từ 09 đến 12 tháng tù về tội: " Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Quang H4 từ 06 đến 09 tháng tù về tội: " Đánh bạc".

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp với hình phạt 24 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" tại bản án số 53/2018/HSST ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A, buộc bị cáo Phạm Quang H4 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 30 đến 33 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn Đ từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ1 từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo đều về tội: " Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Mai Thị Thu H từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời hạn tạm giữ (từ ngày 05 tháng 9 năm 2018 đến ngày 14 tháng 9 năm 2018, quy đổi một ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ), buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt còn lại từ 17 tháng 03 ngày đến 23 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời hạn tạm giữ (từ ngày 05 tháng 9 năm 2018 đến ngày 14 tháng 9 năm 2018, quy đổi một ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ), buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt còn lại từ 11 tháng 03 ngày đến 14 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ về tội: " Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51(áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Trần Thị Hồng N1); Điều 35, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Trần Thị Hồng N1 từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ về tội "Đánh bạc".

Xử phạt bị cáo Đào Văn T từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ về tội "Đánh bạc".

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1 và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu sung công quỹ số tiền 33.280.000đ đã thu giữ trong vụ án.

Tịch thu tiêu hủy 04 nửa vỏ hạt dưa, 01 chén sứ màu trắng xanh bị vỡ, 01 đĩa sứ nhỏ màu trắng, 10 ghế nhựa con.

Trả lại cho bị cáo Phạm Quang H4 5.000.000đ nhưng tạm giữ 200.000đ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án dân sự.

Khi nói lời nói sau cùng, các bị cáo đã ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về chứng cứ xác định có tội:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với Biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang do Phòng Cảnh sát hình sự - Công an thành phố Hải Phòng lập vào hồi 17 giờ 00 phút ngày 05 tháng 9 năm 2018, phù hợp với lời khai của

người làm chứng, phù hợp với vật chứng đã thu giữ, kết hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Trần Văn Đ, Mai Thị Thu H, Phạm Quang H4, Nguyễn Thị N, Trần Thị Hồng N1, Đào Văn T, Phạm Văn Đ1 và Nguyễn Thị O đã có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh xóc đĩa, số tiền thu được dưới chiếu bạc là 18.700.000đ; tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc thu được là 33.280.000đ.

[3] Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm trật tự công cộng, gây nguy hiểm cho xã hội nên hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội: " Đánh bạc ", tội phạm được quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự.

- Xét tình tiết định khung hình phạt:

[4] Số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 33.280.000đ. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã vi phạm khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an xã hội, gây nên tâm lý lo ngại trong nhân dân. Chính vì vậy, đối với hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[6] Bị cáo Nguyễn Thị O có một tiền án bị Tòa án nhân dân quận L xử phạt 30 tháng tù và phạt 20.000.000đ về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tại Bản án số 207/HSST ngày 06 tháng 11 năm 1998. Bị cáo đã được tuyên bố hết thời hiệu thi hành về hình phạt tù theo Quyết định tuyên bố hết thời hiệu thi hành án số 02/THA ngày 08 tháng 9 năm 2004 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Đối với khoản tiền phạt 20.000.000đ, sau khi bản án số 207/HSST có hiệu lực pháp luật, Đội Thi hành án dân sự quận L (nay là Chi cục Thi hành án dân sự quận L) đã ra quyết định thi hành án nhưng bị cáo chưa thi hành xong trước khi phạm tội mới do vậy lần phạm tội này là "Tái phạm" nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Các bị cáo Trần Văn Đ, Phạm Văn Đ1 đều có một tiền án nhưng đều đã được xóa án. Bị cáo Phạm Quang H4 bị Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 24 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" tại bản án số 53/2018/HSST ngày 16 tháng 8 năm 2018. Ngày 05 tháng 9 năm 2018, bị cáo Phạm Quang H4 phạm tội mới nên tại thời điểm bị cáo phạm tội mới, bản án số 53/2018/HSST chưa có hiệu lực pháp luật nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm". Do vậy các bị cáo Trần Văn Đ, Phạm Văn Đ1, Mai Thị Thu H, Trần Thị Hồng N1, Đào Văn T, Nguyễn Thị N và Phạm Quang H4 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Việc tại bản cáo trạng số 79/CT-VKS-AD ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện A nêu bị cáo Nguyễn Thị O đã được xóa án là không có căn cứ chấp nhận.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[9] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo; tỏ ra ăn năn, hối cải nên các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[10] Các bị cáo Mai Thị Thu H, Nguyễn Thị N, Đào Văn T và Trần Thị Hồng N1 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[11] Bị cáo Phạm Văn Đ1 có thời gian tham gia quân đội, đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự; bị cáo Trần Văn Đ có bố là ông Trần Văn H1 được thưởng Huân chương chiến công giải phóng, Huân chương chiến sỹ giải phóng, Huân chương chiến sỹ vẻ vang; bị cáo Trần Thị Hồng N1 có bố là ông Trần Quyết T là thương binh; bị cáo Phạm Quang H4 có bố là ông Phạm Văn L được thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba và có bác ruột là liệt sỹ, gia đình đang thờ cúng nên các bị cáo Phạm Văn Đ1, Trần Văn Đ, Trần Thị Hồng N1 và Phạm Quang H4 được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về phân hóa vai trò:

[12] Đối với bị cáo Trần Văn Đ: Trong vụ án này, các bị cáo đều là những người thực hành tội phạm, bị cáo Trần Văn Đ là người lấy chén, đĩa; là người xóc cái để các bị cáo khác chơi, cũng là người trả tiền cho người chơi thắng sau mỗi ván nên vai trò của bị cáo là cao nhất trong vụ án nên phải chịu hình phạt cao nhất.

[11] Đối với bị cáo Mai Thị Thu H: Các bị cáo Mai Thị Thu H, Phạm Quang H4, Nguyễn Thị N, Phạm Văn Đ1 có thời gian đánh bạc như nhau nhưng bị cáo Mai Thị Thu H có số tiền bỏ ra chơi cao nhất, thắng được số tiền lớn nhất nên bị cáo có vai trò thấp hơn bị cáo Trần Văn Đ nhưng cao hơn so với các bị cáo Phạm Quang H4, Nguyễn Thị N, Phạm Văn Đ1, Trần Thị Hồng N1, Nguyễn Thị O và Đào Văn T.

[12] Đối với bị cáo Phạm Quang H4: Bị cáo Phạm Quang H4 có số tiền bỏ ra chơi thấp hơn bị cáo Mai Thị Thu H nhưng cao hơn các bị cáo Nguyễn Thị N, Phạm Văn Đ1 và Trần Thị Hồng N1 nên bị cáo Phạm Quang H4 có vai trò thấp hơn các bị cáo Trần Văn Đ, Mai Thị Thu H nhưng cao hơn so với các bị cáo Nguyễn Thị N, Phạm Văn Đ1, Trần Thị Hồng N1, Nguyễn Thị O và Đào Văn T.

[13] Đối với các Nguyễn Thị N, Phạm Văn Đ1, Trần Thị Hồng N1: Các bị cáo Nguyễn Thị N, Phạm Văn Đ1, Trần Thị Hồng N1 có thời gian đánh bạc như

nhau, số tiền bỏ ra để đánh bạc tương đương nhau nên có vai trò như nhau, thấp hơn các bị cáo Trần Văn Đ, Mai Thị Thu H, Phạm Quang H4 nhưng cao hơn các bị cáo Nguyễn Thị O và Đào Văn T.

[14] Đối với các bị cáo Nguyễn Thị O và Đào Văn T: Các bị cáo Nguyễn Thị O và Đào Văn T có thời gian tham gia đánh bạc ít nhất, số tiền đánh bạc thấp nên vai trò của các bị cáo là thấp nhất trong vụ án.

- Về mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo:

[15] Đối với các bị cáo Trần Văn Đ, Phạm Quang H4, Nguyễn Thị O và Phạm Văn Đ1: Xét thấy các bị cáo Trần Văn Đ, Phạm Quang H4, Nguyễn Thị O và Phạm Văn Đ1 có ít tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với các bị cáo, buộc các bị cáo phải chịu hình phạt tù có thời hạn. Bị cáo Trần Văn Đ có vai trò cao nhất nên phải chịu hình phạt cao nhất. Bị cáo Phạm Quang H4 có vai trò cao hơn bị cáo Nguyễn Thị O nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hơn và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo là ngang nhau, thấp hơn bị cáo Trần Văn Đ nhưng cao hơn mức khởi điểm của khung hình phạt. Bị cáo Phạm Văn Đ1 có vai trò thấp, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên có mức hình phạt ở mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp.

[16] Tại bản án số 53/2018/HSST ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A đã xử phạt bị cáo Phạm Quang H4 24 tháng về tội "Cố ý gây thương tích" nên cần áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp với hình phạt lần phạm tội này, buộc bị cáo Phạm Quang H4 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[17] Xét thấy các bị cáo Trần Văn Đ, Phạm Văn Đ1 mặc dù có một tiền án nhưng đã được xóa án, thời gian được xóa án tính đến ngày phạm tội lần này đã quá 06 tháng; tính chất, mức độ thực hiện tội phạm thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[18] Đối với các bị cáo Mai Thị Thu H và Nguyễn Thị N: Các bị cáo Mai Thị Thu H, Nguyễn Thị N trước khi phạm tội có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng nên cần áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[19] Các bị cáo Mai Thị Thu H, Nguyễn Thị N bị bắt từ ngày 05 tháng 9 năm 2018, tạm giữ từ ngày 06 tháng 9 năm 2018 đến ngày 14 tháng 9 năm 2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Thời gian tạm giữ được quy đổi và trừ vào thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ (quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ).

[20] Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự thì người bị kết án bị khấu trừ thu nhập một phần từ 5% đến 20%. Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo Mai Thị Thu H và Nguyễn Thị N nên miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Mai Thị Thu H và Nguyễn Thị N.

[21] Giao các bị cáo Trần Văn Đ, Phạm Văn Đ1 cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; giao các bị cáo Mai Thị Thu H và Nguyễn Thị N cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành án cải tạo không giam giữ; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

[22] Đối với các bị cáo Trần Thị Hồng N1 và Đào Văn T: Các bị cáo Trần Thị Hồng N1 và Đào Văn T đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Thị Hồng N1 có vai trò cao hơn so với bị cáo Đào Văn T nhưng lại có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên chỉ cần áp dụng điều 35 Bộ luật Hình sự, phạt tiền ở mức khởi điểm đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung:

[23] Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ. Xét thấy, các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về vật chứng, xử lý vật chứng:

[24] Cơ quan Cảnh sát Điều tra có thu giữ 38.280.000đ; 04 nửa vỏ hạt dưa, 01 chén sứ màu trắng xanh bị vỡ, 01 đĩa sứ nhỏ màu trắng, 10 ghế nhựa con. Xét thấy, trong số 38.280.000đ có 33.280.000đ là số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ. Số tiền 5.000.000đ còn lại là tài sản của bị cáo Phạm Quang H4, không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ 200.000đ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án dân sự của bị cáo. Đối với 04 nửa vỏ hạt dưa, 01 chén sứ màu trắng xanh bị vỡ, 01 đĩa sứ nhỏ màu trắng, 10 ghế nhựa con, đây là công cụ dùng vào việc phạm tội, có giá trị sử dụng không lớn hoặc không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[25] Đối với 01 điện thoại di động Iphone X màu đen, 01 đồng hồ LongGines bằng kim loại, dây da màu nâu, 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn Đ, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe moto mang tên Lê Văn Đ, 01 ví da

màu xanh, bên trong có 6.000.000đ thu giữ của Trần Văn Đ; 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen, 01 ví da màu đen, bên trong có 2.750.000đ và 02 thẻ ra vào cổng của Công ty LG thu giữ của Đào Văn T; 01 điện thoại di động Iphone 8Plus màu vàng, 01 ví da màu xanh thu giữ của Mai Thị Thu H; 01 điện thoại di động Oppo màu trắng và 21.000.000đ thu giữ của Nguyễn Thị N; 01 điện thoại di động Iphone 7 màu trắng hồng và 15.694.000đ thu giữ của Nguyễn Thị O; 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng, 01 căn cước công dân và 01 thẻ ATM đều mang tên Trần Thị Hồng N1, 01 túi da màu đen, bên trong có 15.600.000đ thu giữ của Trần Thị Hồng N1; 01 điện thoại Iphone màu trắng hồng thu giữ của Phạm Quang H4; 01 điện thoại di động Nokia 1190 màu đen, 01 ví da màu nâu và 01 Giấy phép lái xe, 01 thẻ căn cước công dân đều mang tên Phạm Văn Đ1 thu giữ của Phạm Văn Đ1 là tài sản thuộc sở hữu của các bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan điều tra trả lại cho các bị cáo là có căn cứ.

- Về các vấn đề khác:

[26] Đối với đối tượng cầm cái thay bị cáo Trần Văn Đ và một số đối tượng khác cũng tham gia đánh bạc, hiện chưa xác định được lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

- Về án phí:

[27] Theo quy định của pháp luật các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 254, 259, 260 và 326 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo về tội " Đánh bạc", thời gian thử thách 36 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ1 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội " Đánh bạc", thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị O 07 (bảy) tháng tù về tội " Đánh bạc". Thời hạn tù của bị cáo Nguyễn Thị O tính từ ngày thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ, từ ngày 05 tháng 9 năm 2018 đến ngày 14 tháng 9 năm 2018).

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Quang H4 07 (bảy) tháng tù về tội " Đánh bạc".

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 24 tháng về tội "Cố ý gây thương tích" tại bản án số 53/2018/HSST ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A buộc bị cáo Phạm Quang H4 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 31 (ba mươi mốt) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo Phạm Quang H4 tính từ ngày 05 tháng 9 năm 2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mai Thị Thu H 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 05 tháng 9 đến ngày 14 tháng 9 năm 2018, quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành hình phạt còn lại là 17 (mười bảy) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 05 tháng 9 đến ngày 14 tháng 9 năm 2018, quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành hình phạt còn lại là 14 (mười bốn) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Hồng N1 20.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đào Văn T 20.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Trần Văn Đ cho UBND thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Phạm Văn Đ1 cho UBND xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Nguyễn Thị N cho UBND thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành án.

Giao bị cáo Mai Thị Thu H cho UBND phường V, quận L, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành án.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Mai Thị Thu H và Nguyễn Thị N.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1 và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 33.280.000đ

Trả lại cho bị cáo Phạm Quang H4 5.000.000đ nhưng tạm giữ 200.000đ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án dân sự của bị cáo Phạm Quang H4

(Số tiền trên hiện đang được gửi trong tài khoản : 3591.0.1077980 tại Kho bạc Nhà nước huyện A của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo ủy nhiệm chi ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Phòng Cảnh sát hình sự - Công an thành phố Hải Phòng)

Tịch thu tiêu hủy 04 nửa vỏ hạt dưa, 01 chén sứ màu trắng xanh bị vỡ, 01 đĩa sứ nhỏ màu trắng, 10 ghế nhựa con

(Toàn bộ số vật chứng trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện A quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Công an huyện A và Chi cục thi hành án dân sự huyện A).

- Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, các bị cáo Trần Văn Đ, Mai Thị Thu H, Phạm Quang H4, Phạm Văn Đ1, Nguyễn Thị N, Trần Thị Hồng N1, Đào Văn T và Nguyễn Thị O mỗi người phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân T.p Hải Phòng;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện A;
- Công an huyện A; Phòng PV 27 CATP; Phòng PC 81 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án huyện A;
- UBND xã, phường nơi cư trú của các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Duy Thạch